

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C M  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Võ Thanh Nhàn**;

2. Bà **Đào Thị Thu Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST – DS ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1960: địa chỉ: ấp L Đ, xã L K, huyện C M, tỉnh A G, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962: địa chỉ: ấp L Đ, xã L K, huyện C M, tỉnh A G, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Trà Như Y, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Chị Trà Thị Y (Trà Thiện Y), sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp L Đ, xã L K, huyện C M, tỉnh A G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày: Do chỗ quen biết với bà B, ngày 03/6/2018 bà có cho bà B vay 30.000.000 đồng; ngày 05/9/2019 vay 20 chỉ vàng 24K và 40.000.000 đồng; ngày 06/7/2019, vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 120.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 K (loại vàng 9999), mục đích bà B mượn cho cháu bà làm ăn, bà B nói khi nào cần cho hay trước 01 tháng sẽ trả lại, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng đối với số tiền 120.000.000 đồng, còn đối với số vàng 20 chỉ vàng 24 k (loại 9999) mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, sau đó bà B có đóng lãi số vàng được 16.000.000 đồng, số tiền đóng được 17.660.000 đồng và có trả vốn 20.000.000 đồng, đến nay bà B không đóng tiếp tục nữa, do bà cần lấy lại tiền và vàng để làm ăn, bà có cho bà B hay, đến thời hạn 01 tháng nhưng bà B vẫn không thực hiện trả cho bà, bà có đến nhà đòi nhiều lần bà B nói không có tiền, khi nào bán đất thì sẽ trả cho bà. Còn đối với chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) điều có ký biên nhận nợ với bà B nên bà yêu cầu bà B, chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 (loại vàng 9999), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà thừa nhận bà có đến nhà bà Đ mượn số vàng, số tiền như bà Đ trình bày, nhưng mục đích là bà mượn cho cháu bà là Như Y, Thị Y (Thiện Y) tiêu dùng để làm rẫy, hàng tháng thì bà Đ vô nhà 02 cháu bà để lấy lãi, đến ngày 10/10/2019 bà Đ có vô nhà cháu bà là Trà Thị Y (Thiện Y) lấy vốn 20.000.000 đồng, do 02 cháu bà làm ăn thất bại không đóng lãi tiếp tục nên bà Đ yêu cầu trả vốn lại, hiện tại cháu bà không khả năng trả nên bà Đ mới khởi kiện. Hiện nay bà thừa nhận là Như Y và Thị Y (Thiện Y) có nợ bà Đ số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 k (loại 9999), mục đích bà ký biên nhận nợ vì tại buổi hòa giải ban áp L Đ bà thừa nhận là bà có mượn dùm cháu bà nhưng thật sự bà không có lấy tiền. Nay bà Đ yêu cầu bà cùng có nghĩa vụ liên đới cùng Như Y, Thị Y (Thiện Y) trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 k (loại 9999) thì bà không đồng ý, vì bà chỉ mượn dùm cho cháu bà, bà không có sử dụng trong số tiền và vàng đó.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trà Thị Y (Trà Thiện Y): Chị thừa nhận là chị có mượn tiền và vàng như bà Đ trình bày, hàng tháng chị và Như Y cũng đóng lãi đầy đủ cho bà Đ, có tháng nhờ bà B đưa dùm cho bà Đ, có tháng bà Đ vô nhà lấy. Đến ngày 10/10/2019 chị có trả cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn chị không trả cho bà Đ tiếp tục và cũng không đóng lãi nên bà Đ mới thưa ra ban áp L Đ, xã L K tại buổi hòa giải có xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nếu không có khả năng thì 03 tháng trả một lần, do chị không thực hiện nên bà Đ khởi kiện chị và Như Y, bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 K(loại

vàng 9999). Nay chị và chị Như Y cũng thừa nhận là có nợ bà Đ 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 k (loại 9999) do hoàn cảnh khó khăn chị phải đi làm, nếu chị có tiền thì chị sẽ trả nhiều cho bà Đ. Đối với phần tiền lãi chị và Như Y đóng cho bà Đ thì chị không có yêu cầu gì. Đối với số nợ và vàng, chị và Như Y đồng ý trả cho bà mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì thực hiện đúng quy định theo các Điều 70, 73, 76 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Do quen biết nên bà Phạm Thị Đ có cho bà Nguyễn Thị B vay nhiều lần, cụ thể: Ngày 03/6/2018, vay 30.000.000 đồng; ngày 05/9/2019, vay 20 chỉ vàng 24K và 40.000.000 đồng; ngày 06/7/2019, vay 50.000.000 đồng. Ngày 10/10/2019, bà B trả được 20.000.000 đồng. Ngày 31/12/2019, tại ban áp L Đ, bà B thừa nhận còn nợ 100.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24K loại 9999, mục đích vay tiền, vàng dùng cho 02 người cháu Trà Thị Y, Trà Như Y, cam kết trả 3.000.000 đồng/tháng nhưng không thực hiện. Nay, bà Đ yêu cầu bà B và các bà Trà Thị Y, Trà Như Y liên đới trả 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K loại 9999, không yêu cầu tính lãi.

Phía các bà Nguyễn Thị B, Trà Thị Y thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 31/12/2019 với số nợ 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Bà Thị Y xin trả dần 1.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà B cũng xin trả dần 1.500.000 đồng/tháng.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ với các bà B, Thị Y, Như Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và lập thành văn bản ngày 31/12/2019, có chữ ký của các bà B, Thị Y, Như Y. Bà B, bà Thị Y thừa nhận còn nợ bà Đ 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K loại 9999 nên việc bà Đ khởi kiện là có căn cứ.

Phía bà B, Thị Y xin trả dần 1.500.000 đồng/tháng nhưng không được bà Đ đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.

- Buộc các bà Nguyễn Thị B, Trà Thị Y, Trà Như Y trả bà Phạm Thị Đ 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K loại 9999.

Chị Trà Như Y đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại ấp L Đ, xã L K, huyện C M, tỉnh A G. Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trà Như Y, Trà Thị Y (Trà Thiện Y) được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Như Y, Thị Y (Thiện Y).

#### *[2] Về nội dung:*

Qua lời trình bày của bà Đ và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Đ với bà B có thỏa thuận với nhau về việc vay tiền và vàng cụ thể ngày 03/6/2018 bà Đ có cho bà B vay 30.000.000 đồng; ngày 05/9/2019 vay 20 chỉ vàng 24K và 40.000.000 đồng; ngày 06/7/2019, vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 120.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 K (loại vàng 9999), mục đích bà B mượn cho cháu bà Như Y, Thị Y (Thiện Y) làm ăn, bà B nói khi nào cần cho hay trước 01 tháng sẽ trả lại, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng đối với số tiền 120.000.000 đồng, còn đối với số vàng 20 chỉ vàng 24 k (loại 9999) mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, từ khi vay đến nay bà B có đóng lãi số vàng được 16.000.000 đồng, số tiền đóng được 17.660.000 đồng, chị Thị Y (Thiện Y) có trả cho bà số tiền vốn 20.000.000 đồng, đến nay bà B không đóng lãi và cũng không trả vốn tiếp tục, do bà Đ cần lấy lại tiền và vàng nên bà có cho bà B hay, nhưng đến thời hạn 01 tháng bà B vẫn không thực hiện nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà B, chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 (loại vàng 9999).

Tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận có lại nhà bà Đ lấy số tiền và vàng như bà Đ trình bày, và cùng hai cháu bà là Như Y và Thị Y (Thiện Y) có ký nhận vào biên nhận ngày 31/12/2019. Hiện nay hoàn của bà và hai cháu bà cũng khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, việc yêu cầu xin trả dần của bà B không được bà Đ chấp nhận do đó không có cơ sở đề Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận

và bảo vệ. Bà B, chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà Đ có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà Đ. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, bà Đ xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ giữa bà với bà B, chị Như Y, Thiện Y (Thị Y).

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà B, chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 K (loại vàng 9999) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Đ không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà B, chị Như Y, Thị Y (Thiện Y) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.

- Buộc bà Nguyễn Thị B, chị Trà Như Y, Trà Thị Y (Thiện Y) có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và 20 chỉ vàng 24 ka ra (loại 9999), (tương đương 108.600.000 đồng giá vàng được tính ngày 28.01.2021). Tổng cộng số tiền 208.600.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị B, chị Trà Thị Y (Thiện Y), Trà Như Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.430.000 đồng.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**